TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2024
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyên Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tinh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 2000;
Địa chỉ: Thôn F, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Trường A, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Lê Trường A tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2020; trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống dẫn đến ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, chị Thị T xin được ly hôn với anh Lê Trường A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt và có lời khai đồng ý ly hôn.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị T. Về hôn nhân: Tuyên chị Thị T và anh Lê Trường A ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân; vì vậy, Tòa án xác định vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Lê Trường A tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2020, là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2022, chị Thị T và anh Lê Trường A đã ly thân và chị Thị T chuyển về xã Q, huyện T sinh sống đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Trường A là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T ly hôn anh Lê Trường A.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00002672 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký